

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN HÀM THUẬN BẮC
TỈNH BÌNH THUẬN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 29/2018/HNGĐ-ST
Ngày: 16-4-2018
V/v : Ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HÀM THUẬN BẮC,
TỈNH BÌNH THUẬN**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Mi Mi.

Các Hội thẩm nhân dân: 1/ Ông Nguyễn Thanh Phong;
2/ Ông Thông Văn Đá.

- Thư ký phiên tòa: Ông Phạm Võ Văn - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Hàm Thuận Bắc, tỉnh Bình Thuận.

- Đại diện Viện Kiểm sát tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Châu – Kiểm Sát Viên Viện kiểm sát nhân dân huyện Hàm Thuận Bắc, tỉnh Bình Thuận.

Ngày 16 tháng 4 năm 2018 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Hàm Thuận Bắc, tỉnh Bình Thuận xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 05/2018/TLST-HNGĐ ngày 08/01/2018, về việc “Ly hôn”; Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 28/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 07/3/2018, Quyết định hoãn phiên tòa số 03/2018/QĐST-HNGĐ ngày 26/3/2018, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ông Trịnh Văn Đ – Sinh năm 1984;
2. Bị đơn : Bà Đặng Thị Thu P – Sinh năm 1992.

Cùng địa chỉ: Thôn 1, xã T, huyện H, tỉnh Bình Thuận.

Đương sự có mặt: Ông Trịnh Văn Đ; Đương sự vắng mặt: Bà Đặng Thị Thu P.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 22/12/2017 và đơn khởi kiện bổ sung ngày 27/12/2017, bản khai của nguyên đơn ông Trịnh Văn Đ khai:

Về quan hệ hôn nhân: Ông và bà Đặng Thị Thu P cưới nhau vào năm 2015, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T theo Giấy chứng nhận kết hôn số 60, quyển số 01/2015 ngày 26/8/2015. Việc cưới nhau là do hai bên tự nguyện sau thời gian tìm hiểu khoảng 1 tháng. Sau khi cưới vợ chồng sống tại thôn 1, xã T, huyện H. Vợ chồng sống hạnh phúc được 01 năm thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do bà Đặng Thị Thu P thường xuyên bỏ nhà đi theo người đàn ông khác, ông đã nhiều lần tha thứ nhưng bà P vẫn bỏ đi. Nay ông xác định tình cảm vợ chồng không còn nữa và ông yêu cầu xin được ly hôn.

Về con chung: Không có.

Về tài sản và nợ: Không yêu cầu Tòa giải quyết.

Ngoài ra, do bà Đặng Thị Thu P vắng mặt nên ông yêu cầu Tòa giải quyết theo quy định của pháp luật.

Bị đơn bà Đặng Thị Thu P đã được tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng của Tòa án trong quá trình giải quyết vụ án nhưng vắng mặt không có lý do nên Tòa án không thể tiến hành các thủ tục tố tụng như ghi lời khai, lập biên bản về kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải theo quy định của pháp luật.

Tại phiên Tòa: Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án, Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự; các đương sự đã được bảo đảm thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ của mình. Về nội dung vụ án: Đề nghị chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền:

Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu ly hôn với bị đơn. Đây là tranh chấp về ly hôn. Bị đơn có địa chỉ tại thôn 1, xã T, huyện H, tỉnh Bình Thuận nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Hàm Thuận Bắc, tỉnh Bình Thuận được quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng Dân sự năm 2015.

[2] Về thủ tục tố tụng: Bị đơn bà Đặng Thị Thu P đã được tổng đạt các văn bản tố tụng của Tòa án theo quy định của pháp luật nhưng vẫn vắng mặt không có lý do. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng Dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt đối với bị đơn bà Đặng Thị Thu P là phù hợp.

[3] Về nội dung vụ án:

- *Về quan hệ hôn nhân*: Ông Trịnh Văn Đ và bà Đặng Thị Thu P tự nguyện kết hôn có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện H, tỉnh Bình Thuận. Đây là hôn nhân hợp pháp, phù hợp với quy định tại các Điều 8, 9 Luật hôn nhân và gia đình. Ông Trịnh Văn Đ cho rằng vợ chồng sống hạnh phúc được khoảng 01 năm thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do bà Đặng Thị Thu P thường xuyên

bỏ nhà đi theo người đàn ông khác, ông đã nhiều lần tha thứ nhưng bà P vẫn bỏ đi. Nay ông xác định tình cảm vợ chồng không còn nữa và ông yêu cầu xin được ly hôn.

Từ giai đoạn thụ lý vụ án cho đến khi Tòa án mở phiên tòa, Tòa án đã nhiều lần triệu tập bà P đến Tòa nhưng bà cố tình lẩn tránh, vắng mặt không có lý do nên Tòa không tiến hành hòa giải vụ án theo quy định của pháp luật được. Việc đó thể hiện ý thức xem thường pháp luật, không thiết tha gì đến hạnh phúc và hôn nhân của mình. Do đó, Tòa án đưa vụ án ra xét xử theo quy định của pháp luật. Hội đồng xét xử nhận định quan hệ hôn nhân giữa ông Trịnh Văn Đ và bà Đặng Thị Thu P thực tế đã xảy ra mâu thuẫn trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, không thể tiếp tục cuộc sống chung được. Do vậy, yêu cầu được ly hôn của ông Trịnh Văn Đ là có căn cứ nên chấp nhận theo quy định tại khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình.

- *Về con chung*: Ông Đ và bà P không có con chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

- *Về tài sản chung và nợ chung*: Không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[4] Về án phí: Ông Trịnh Văn Đ phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm theo Khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự, Điểm a Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Bà Đặng Thị Thu P không phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Khoản 1 Điều 28, Điểm a Khoản 1 Điều 35, điểm a Khoản 1 Điều 39, Điều 70, Điều 72, Điều 227, Điều 228; Khoản 4 Điều 147; Điều 266 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Khoản 1 Điều 51, Khoản 1 Điều 56, Điều 57 Luật Hôn nhân và gia đình.

Khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điểm a Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. *Về hôn nhân*: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Trịnh Văn Đ.

Ông Trịnh Văn Đ được ly hôn với bà Đặng Thị Thu P.

2. Về án phí:

Ông Trịnh Văn Đ phải chịu 300.000đồng án phí dân sự sơ thẩm. Ông Đ đã nộp đủ 300.000đồng tạm ứng án phí theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí số 0014896 ngày 08/01/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hàm Thuận Bắc, tỉnh Bình Thuận nên không phải nộp nữa.

Bà Đặng Thị Thu P không chịu án phí ly hôn sơ thẩm.

3. Về quyền kháng cáo : Nguyên đơn có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (**ngày 16/4/2018**), bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai tại địa phương.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bình Thuận;
- VKSND huyện Hàm Thuận Bắc;
- Chi cục THADS H.Hàm Thuận Bắc;
- UBND xã Hàm Chính;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Mi Mi